TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 437/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/10/2023
V/v: " *ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1084/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, Quyết định tạm ngưng phiên toà số 482/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thanh N, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 1369/66 Lê Hồng Phong, tổ 87, phường P, thành phố T, tỉnh B.
- Bị đơn: Ông Phạm Quốc K, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 115/22, quốc lộ 1K, ấp C, phường H, thành phố B, tỉnh Đ
(*Bà N, ông K có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Thanh N trình bày: Bà N

và ông K xây dựng gia đình vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2010 tại UBND phường Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, tỉnh Cần Thơ.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên lục đục, xích mích, cải vã lẫn nhau. Bà và ông K sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà xin được ly hôn với ông K để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N, ông K có 02 con chung:

Phạm Minh P, sinh ngày 08/6/2012,

Phạm Hương T, sinh ngày 27/12/2016.

Ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phát, cháu Thảo, yêu cầu ông K cấp dưỡng 01 tháng 5.000.000 đồng /2 con

Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà bị đơn ông Phạm Quốc K trình bày: Bà N và ông K xây dựng gia đình vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2010 tại UBND phường Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, tỉnh Cần Thơ.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên lục đục, xích mích, cải vã lẫn nhau. Ông và bà N sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà N xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N, ông K có 02 con chung:

Phạm Minh Phát, sinh ngày 08/6/2012

Phạm Hương Thảo, sinh ngày 27/12/2016

Ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Minh Phát, bà N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Hương Thảo, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Toà án giao cháu Phát, cháu Thảo cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc ông tự nguyện cấp dưỡng 1 tháng 10.000.000 đồng/2 con.

Về phương thức cấp dưỡng: Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 24 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 24/10/2023 cho đến khi cháu Phát, cháu Thảo trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Thanh N.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Phát, sinh ngày 08/6/2012, cháu Phạm Hương Thảo, sinh ngày 27/12/2016 cho bà Lâm Thị Thanh N chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định Pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Các bên khai không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Bà Lâm Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Quốc K. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật là « Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ». Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Lâm Thị Thanh N là nguyên đơn còn ông Phạm Quốc K là bị đơn.

Bà Lâm Thị Thanh N xin ly hôn ông Phạm Quốc K, theo biên bản xác minh ngày 16/6/2023 tại Công an phường Hoá An, ông K là bị đơn cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Ông K và bà N xây dựng gia đình vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2010 tại UBND phường Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, tỉnh Cần Thơ nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Bà N và ông K đều thừa nhận sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã. Tại phiên toà bà N yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý. Xét sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định Pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] **Về con chung**: Bà Lâm Thị Thanh N và ông Phạm Quốc K có 02 con chung là cháu Phạm Minh Phát, sinh ngày 08/6/2012, cháu Phạm Hương Thảo, sinh ngày 27/12/2016. Ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, ông K cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000 đồng/tháng.

Ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phát, bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thảo, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Toà án giao cháu Phát, cháu Thảo cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc ông tự nguyện cấp dưỡng 1 tháng 10.000.000 đồng/2 con.

Xét về điều kiện nuôi con: Căn cứ vào chứng cứ chứng minh thu nhập, bảng lương, sao kê lương thì hiện nay bà N đang đi làm công ty mức lương 35.000.000 đồng/ tháng, ông K hiện là Giảng viên trường Đại học công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh mức lương trung bình 26.000.000 đồng/tháng Như vậy về điều kiện kinh tế thì bà N và ông K tương đồng nhau. Tuy nhiên sau khi bà N, ông K sống ly thân, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thảo, cháu Phát, mọi sinh hoạt cá nhân của các cháu đã đảm bảo ổn định. Tại bản tự khai ngày 10/7/2023 cháu Phạm Minh Phát trình bày ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Phạm Hương Thảo là bé gái cần nhiều hơn sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Phát, cháu Thảo cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng: Do ông K không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phát, cháu Thảo, do đó ông K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Bà N yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực Pháp luật. Tại phiên toà ông K có nguyện vọng cấp dưỡng 02 con 10.000.000 đồng/tháng, thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 24 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 24/10/2023, bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] **Về tài sản chung:** Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] **Về nợ chung**: Các bên khai không có nên không xem xét.

[6] **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lâm Thị Thanh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, ông Phạm Quốc K phải chịu 500.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị Thanh N và ông Phạm Quốc K về việc thuận tình ly hôn.

2. **Về con chung**: Giao cháu Phạm Minh Phát, sinh ngày 08/6/2021, cháu Phạm Hương Thảo, sinh ngày 27/12/2016 cho bà Lâm Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

3. **Về cấp dưỡng:** Ghi nhận sự tự nguyện ông Phạm Quốc K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)/tháng. Thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 24 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 24/10/2023.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, bà N và ông K vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

4. **Về tài sản chung** : Không xem xét.

5. **Về nợ chung** : Không xem xét.

6. **Về án phí**: Bà Lâm Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai số 0007497 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

Ông Phạm Quốc K phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. **Về quyền kháng cáo**: bà Lâm Thị Thanh N, ông Phạm Quốc K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hà Vân